

Số: 1452/QĐ-UBND

Cà Mau, ngày 15 tháng 8 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Đầm Dơi,
tỉnh Cà Mau đến năm 2030, định hướng đến năm 2040**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017, 2019);

Căn cứ Luật Quy hoạch năm 2017;

Căn cứ Luật Xây dựng năm 2014 (sửa đổi bổ sung năm 2018, 2020);

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về việc lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/05/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 320/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới; quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 321/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng Quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 2382/QĐ-UBND ngày 19/9/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt nhiệm vụ và dự toán chi phí lập Quy hoạch xây dựng vùng huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau đến năm 2030, định hướng đến năm 2040;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Báo cáo thẩm định số 2566/BCTĐ-SXD ngày 03/8/202, Công văn số 2567/SXD-QHĐT ngày 03/8/2023; tổng hợp ý kiến thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh tại Công văn số 2492/VP-XD ngày 11/8/2023.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau đến năm 2030, định hướng đến năm 2040 với các nội dung chính như sau:

1. Lý do và mục tiêu của đồ án quy hoạch

1.1. Lý do lập đồ án quy hoạch:

Huyện Đầm Dơi nằm trong vùng phát triển kinh tế ven biển Đông, là vùng chiến lược phát triển kinh tế biển của tỉnh Cà Mau. Theo tuyến hành lang kinh tế này, đô thị Năm Căn là đô thị động lực và 02 đô thị Tân Thuận (huyện Đầm Dơi) và Rạch Gốc (huyện Ngọc Hiển) định hướng đến năm 2030 trở thành các đô thị động lực, bổ sung vào hệ thống đô thị động lực của tỉnh. Theo kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc 2021 - 2030 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24/02/2021, thị trấn Đầm Dơi đạt tiêu chí đô thị loại IV giai đoạn 2021 - 2025.

Để thực hiện có hiệu quả các giải pháp khai thác và phát huy thế mạnh của địa phương; quản lý, khai thác không gian đô thị - nông thôn, không gian phát triển nông nghiệp, công nghiệp, thương mại dịch vụ, du lịch... đáp ứng các tiêu chí huyện nông thôn mới thì việc lập Quy hoạch xây dựng vùng huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau đến năm 2030 định hướng đến 2040 là rất cần thiết, tạo điều kiện thuận lợi để Đầm Dơi trở thành huyện nông thôn mới của tỉnh Cà Mau trong thời gian tới.

1.2. Mục tiêu lập đồ án quy hoạch:

Cụ thể hóa quy hoạch tỉnh Cà Mau thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050; Chương trình phát triển đô thị tỉnh Cà Mau và Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Đầm Dơi.

Quy hoạch vùng huyện Đầm Dơi theo các tiêu chí của huyện nông thôn mới, xác định thực trạng và các nhiệm vụ cần hoàn thiện theo các tiêu chí huyện nông thôn mới.

Nghiên cứu định hướng phát triển không gian vùng huyện, phân vùng kinh tế, hệ thống đô thị và dân cư nông thôn, bố trí cơ sở hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật phù hợp với các giai đoạn phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

Xác định cơ sở pháp lý cho việc quản lý xây dựng, lập các quy hoạch xây dựng, lập dự án đầu tư và kêu gọi đầu tư trên địa bàn huyện.

2. Phạm vi, ranh giới, diện tích và thời hạn lập quy hoạch

2.1. Phạm vi: Phạm vi nghiên cứu quy hoạch xây dựng vùng huyện Đầm Dơi là địa giới hành chính huyện bao gồm: thị trấn Đầm Dơi (huyện lỵ) và 15 xã: Tạ An Khương, Tạ An Khương Đông, Tạ An Khương Nam, Trần Phán, Tân Đức, Tân Thuận, Tân Duyệt, Tân Dân, Tân Tiến, Quách Phẩm, Quách Phẩm Bắc, Nguyễn Huân, Thanh Tùng, Tân Trung và Ngọc Chánh.

2.2. Ranh giới:

- Phía Đông giáp: Biển Đông.

- Phía Tây giáp: Huyện Cái Nước.
- Phía Nam giáp: Huyện Năm Căn.
- Phía Bắc giáp: Thành phố Cà Mau và huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu.

2.3. *Diện tích*: 816,07 km²; dân số 176.517 người; mật độ dân số 216 người/km² (*Niên Giám thống kê năm 2022 Cục Thống kê Cà Mau*).

2.4. *Thời hạn lập quy hoạch*: Đến năm 2030, định hướng đến năm 2040.

3. Vai trò, tính chất vùng huyện

Là huyện ven biển Đông, thuộc vùng kinh tế biển và ven biển phía Đông của tỉnh, vùng trọng điểm về nuôi trồng thủy sản của tỉnh. Là huyện có tiềm năng phát triển khai thác, đánh bắt thủy hải sản biển, dịch vụ hậu cần nghề cá, bến thủy nội địa và các ngành nghề phụ trợ, ngành nghề truyền thống khác; phát triển công nghiệp chế biến thủy sản, dịch vụ, trung tâm Logistics; phát triển công nghiệp năng lượng tái tạo; phát triển du lịch với các loại hình: du lịch sinh thái, du lịch biển, du lịch gắn với sản xuất làng nghề truyền thống, du lịch văn hoá - lịch sử.

4. Tiềm năng và động lực phát triển vùng

- Vị trí chiến lược địa chính trị - kinh tế: Huyện Đầm Dơi nằm trong vùng kinh tế ven biển Đông với đường bờ biển dài 25 km, vị trí địa lý của huyện Đầm Dơi có ý nghĩa quan trọng về quốc phòng an ninh.

- Đầu mối hạ tầng kỹ thuật: Là điểm đầu của tuyến đường bộ ven biển đi qua địa bàn tỉnh (xã Tân Thuận) liên kết hệ thống giao thông nội tỉnh - liên tỉnh.

- Tài nguyên tự nhiên - nhân văn: Là một trong những khu vực có tiềm năng sản xuất năng lượng tái tạo (điện gió ven biển, điện mặt trời...), tiềm năng khai thác du lịch sinh thái, du lịch biển và nguồn nhân lực.

5. Các chỉ tiêu, dự báo phát triển vùng:

5.1. Dự báo quy mô dân số và tỷ lệ đô thị hóa:

Hạng mục	Hiện trạng 2022	Đến năm 2030	Đến năm 2040
Dân số (người)	176.517	252.689	294.706
Tỷ lệ đô thị hoá (%)	9,5	35	45

5.2 Chỉ tiêu quy hoạch hạ tầng kỹ thuật:

TT	Hạng mục	Đơn vị tính	Đến năm 2030	Đến năm 2040
1	Dân số toàn huyện dự báo	người	252.689	294.706
2	Tỷ lệ đô thị hóa	%	35	45
3	Chỉ tiêu về đất đai			
3.1	Đất xây dựng đô thị			
	Đô thị loại IV	m ² /người	50 - 80	50 - 80
	Đô thị loại V	m ² /người	70 - 100	70 - 100
3.2	Đất xây dựng dân cư nông thôn	m ² /người	80 - 100	80 - 100
4	Chỉ tiêu cây xanh đô thị			

TT	Hạng mục	Đơn vị tính	Đến năm 2030	Đến năm 2040
	Các đô thị	m ² /người	> 8	> 8
	Các điểm dân cư nông thôn	m ² /người	> 2	> 2
5	Chỉ tiêu về hạ tầng kỹ thuật			
5.1	Giao thông			
	Tỷ lệ đất giao thông	% đất XD đô thị	16 - 17	16 - 17
	Diện tích đất giao thông bình quân	m ² /người	7 - 9	7 - 9
5.2	Chỉ tiêu cấp điện			
	Các đô thị	KWh/người.năm	1.000	1.000
	Các điểm dân cư nông thôn	KWh/người.năm	600	600
	Công nghiệp	kW/ha	250	250
5.3	Chỉ tiêu cấp nước			
	Sinh hoạt (Qsh)	lít/người/ngày		
	<i>Các đô thị</i>		100	120
	<i>Các điểm dân cư nông thôn</i>		80	100
	Công nghiệp	m ³ /ha.ngđ	20	20
	Tưới cây, rửa đường	lít/m ² /ngđ	3,40	3,40
	Công cộng	%Qsh	10	10
	Nước rò rỉ	%Q	15	15
	Nước cho bản thân nhà máy	%Q	4	4
5.4	Chỉ tiêu nước thải			
	Sinh hoạt (Qsh)	lít/người/ngày		
	<i>Các đô thị</i>		80	96
	<i>Các điểm dân cư nông thôn</i>		64	80
6	Chỉ tiêu diện tích sàn nhà ở			
	Đô thị	m ² /người	28 - 32	28 - 32
	Nông thôn	m ² /người	26 - 28	26 - 28

6. Tổ chức phân vùng và quản lý phát triển

Các cụm đô thị, dịch vụ và công nghiệp được gắn kết với nhau đóng vai trò là trung tâm và động lực chính cho sự phát triển của các tiểu vùng. Theo đặc điểm về điều kiện tự nhiên, giao thông, sản xuất của vùng huyện Đầm Dơi hình thành 03 tiểu vùng, liên kết với nhau bằng các trục hành lang kinh tế.

6.1. Tiểu vùng 1: Trung tâm đô thị, công nghiệp, thương mại - dịch vụ.

Vị trí về phía Bắc của huyện gồm: thị trấn Đầm Dơi, các xã Tân Trung, Tạ An Khương, Tạ An Khương Nam, Tạ An Khương Đông, Tân Đức và một phần diện tích các xã Tân Thuận (đến sông Áp Hạp), xã Trần Phán, xã Tân Duyệt (đến đường ĐT.986); diện tích khoảng 32.444 ha.

Tính chất: Là tiểu vùng trung tâm phát triển đô thị của huyện (thị trấn Đầm Dơi), phát triển kinh tế tổng hợp đa ngành nghề, đa lĩnh vực gồm công nghiệp - thương mại - dịch vụ - nông nghiệp, du lịch sinh thái...

Hệ thống giao thông kết nối chính gồm có:

- Đường ĐT.988 kết nối Thị trấn Đầm Dơi với thành phố Cà Mau.
- Đường ĐT.990 kết nối Thị trấn Đầm Dơi và khu kinh tế Năm Căn.
- Đường ĐT.986 kết nối thị trấn Đầm Dơi với thị trấn Cái Nước, huyện Cái Nước và thị trấn Cái Đồi Vàm, huyện Phú Tân.
- Đường ĐT.988B kết nối thị trấn Đầm Dơi vào QL1 tại xã Hưng Mỹ, huyện Cái Nước đi các huyện lân cận, trong đó có đô thị động lực Sông Đốc, Huyện Trần Văn Thời theo tuyến đường Bờ Nam Sông Đốc (ĐT.985D).
- Đường thủy gồm có: Sông Đầm Dơi, sông Gành Hào, sông Bảy Háp, sông Nhị Nguyệt, kênh Sáu Đông...

Quản lý phát triển tiểu vùng theo các yếu tố: Phát triển đô thị - nông thôn; các Khu công nghiệp, Cụm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp; phát triển thương mại dịch vụ; phát triển đánh bắt hải sản và khai thác lâm sản; phát triển nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản...

6.2. Tiểu vùng 2: Sản xuất nông nghiệp và thương mại, dịch vụ.

Vị trí ở phía Tây Nam của huyện gồm các xã Quách Phẩm, Quách Phẩm Bắc, Thanh Tùng, Ngọc Chánh và diện tích còn lại của xã Trần Phán, Tân Duyệt; diện tích khoảng 21.495 ha.

Tính chất: Là tiểu vùng phát triển sản xuất chuyên canh tác tôm với hình thức nuôi tôm truyền thống, nuôi tôm quảng canh cải tiến và nuôi tôm công nghệ cao; về phát triển đô thị có đô thị Thanh Tùng đã được công nhận đô thị loại V vào năm 2021 và định hướng phát triển đến năm 2030 có 02 đô thị: Trần Phán và Quách Phẩm đạt đô thị loại V.

Hệ thống giao thông kết nối chính gồm có:

- Đường ĐT.988 kết nối Thị trấn Đầm Dơi với thành phố Cà Mau.
- Đường ĐT.990 kết nối Thị trấn Đầm Dơi và khu kinh tế Năm Căn.
- Đường ĐT.986 kết nối thị trấn Đầm Dơi với thị trấn Cái Nước, huyện Cái Nước và thị trấn Cái Đồi Vàm, huyện Phú Tân.
- Đường thủy gồm có: Sông Đầm Dơi, sông Bảy Háp, sông Bảo Mủ, kênh Cái Nháp, Kênh Ba, kênh Ông Đơn...

Quản lý phát triển tiểu vùng theo các yếu tố: Phát triển đô thị - nông thôn; phát triển thương mại dịch vụ; phát triển nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản...

6.3. Tiểu vùng 3: Tiểu vùng công nghiệp điện gió, sản xuất nông lâm ngư nghiệp, du lịch.

Vị trí ở phía Đông của huyện gồm các xã Tân Dân, Tân Tiến, Nguyễn Huân và diện tích còn lại của xã Tân Thuận; diện tích khoảng 27.668 ha.

Tính chất: Vùng phát triển sản xuất mô hình nuôi tôm siêu thâm canh tập trung và nuôi tôm quảng canh cải tiến; phát triển khai thác, đánh bắt thủy hải sản biển, dịch vụ hậu cần nghề cá, bến thủy nội địa và các ngành nghề phụ trợ, truyền thống khác; về phát triển đô thị có đô thị Nguyễn Huân đã được công nhận đô thị loại V vào năm 2021 và định hướng phát triển đến năm 2030 có đô thị Tân Tiến đạt đô thị loại V.

Hệ thống giao thông kết nối chính gồm có:

- Đường bộ ven biển kết nối tiểu vùng với khu Công nghiệp Tân Thuận, thị trấn Gành Hào, huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu và các huyện ven biển khác trong địa bàn tỉnh.

- Các tuyến đường huyện kết nối các xã trên địa bàn huyện.

- Đường thủy gồm có: Sông Đầm Dơi, sông Đầm Chim, sông Cả Bẹ...

Quản lý phát triển các tiểu vùng theo các yếu tố: Phát triển đô thị - nông thôn; các Khu công nghiệp năng lượng tái tạo (điện gió ven biển, điện mặt trời); phát triển thương mại dịch vụ và du lịch sinh thái; phát triển đánh bắt hải sản và lâm sản; phát triển nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản...

7. Định hướng phát triển không gian vùng huyện

7.1. Định hướng phát triển hệ thống đô thị:

a) Thị trấn Đầm Dơi: Dự báo dân số đến năm 2030 là 50.000 người (đạt chuẩn đô thị loại IV) đến năm 2040 là 60.000 người; là trung tâm hành chính - chính trị, kinh tế - xã hội, văn hóa - giáo dục và khoa học kỹ thuật của huyện Đầm Dơi; phát triển mạnh về dịch vụ, tiểu thủ công nghiệp, thủy sản; là đầu mối về giao thông vận tải thủy - bộ của huyện; định hướng phát triển đô thị theo các tuyến đường bộ ĐT.986, ĐT.988 và tuyến đường thủy sông Đầm Dơi.

b) Đô thị Tân Thuận: Là đô thị biển về phía Đông của huyện tiếp giáp với biển Đông; được công nhận là đô thị loại V vào năm 2021; dự báo dân số đến năm 2030 là 40.000 người, đến năm 2040 là 55.000 người; là 01 trong 05 đô thị động lực của tỉnh, đầu tư xây dựng đạt đô thị loại IV vào năm 2030; là trung tâm phát triển mạnh về chuyên ngành công nghiệp, dịch vụ thủy sản, năng lượng và logistics (bao gồm dịch vụ kho bãi, bốc xếp, lưu trữ, vận tải, trung chuyển hàng hóa); định hướng phát triển đô thị theo tuyến đường bộ ĐT.988B, đường và cầu bắc qua sông Gành Hào nối liền với huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu, đường bộ ven biển và tuyến đường thủy là sông Gành Hào; ngoài ra đô thị Tân Thuận có định hướng phát triển theo đà tăng trưởng của Khu công nghiệp Tân Thuận.

c) Đô thị Nguyễn Huân: Về phía Đông Nam của huyện và tiếp giáp sông Đầm Dơi, được công nhận đô thị loại V vào năm 2021; dự báo dân số đến năm 2030 là 14.400 người, đến năm 2040 là 15.900 người; là đô thị phát triển kinh tế biển, dịch vụ - du lịch, công nghiệp chuyên ngành năng lượng tái tạo (điện gió, điện mặt trời); định hướng phát triển đô thị theo tuyến đường bộ ven biển, sông Cả Bẹ, sông Đầm

Dơi; ngoài ra đô thị Nguyễn Huệ có định hướng phát triển theo đà tăng trưởng của Bến cá Hồ Gùi, Nhà máy điện gió Cà Mau 1A và Khu du lịch Hồ Gùi.

d) Đô thị Thanh Tùng: Về phía Nam của huyện kết nối với khu Kinh tế Năm Căn qua tuyến đường ĐT.990; dự báo dân số đến năm 2030 là 11.300 người, đến năm 2040 là 12.500 người; là đô thị phát triển kinh tế biển, dịch vụ, sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; định hướng phát triển đô thị theo tuyến đường ĐT.990 (Đầm Dơi - Năm Căn) và sông Bảo Mỹ.

đ) Đô thị Tân Tiến: Về phía Đông của huyện, giáp biển Đông; dự báo dân số đến năm 2030 là 12.800 người, đến năm 2040 là 14.100 người; là đô thị phát triển kinh tế biển, dịch vụ - du lịch, năng lượng tái tạo; định hướng phát triển đô thị theo tuyến đường bộ ven biển, sông Cây Tàng, sông Ông Búp; ngoài ra đô thị Tân Tiến có định hướng phát triển theo đà tăng trưởng của điểm du lịch Giá Lồng Đèn.

e) Đô thị Trần Phán: Về phía Tây của huyện trên tuyến đường ĐT.986 (Đầm Dơi - Cái Nước - Cái Đồi Vàm); dự báo dân số đến năm 2030 là 14.500 người, đến năm 2040 là 16.000 người; là đô thị thương mại, dịch vụ, du lịch văn hóa lịch sử; định hướng phát triển đô thị theo tuyến đường ĐT.986 và sông Bảy Háp; ngoài ra đô thị Trần Phán có định hướng phát triển theo đà tăng trưởng của điểm du lịch văn hóa, lịch sử Di tích Địa điểm Chiến thắng Đầm Dơi - Cái Nước - Chà Là.

g) Đô thị Quách Phẩm: Về phía Tây Nam của huyện, giáp sông Bảy Háp và kênh Cái Nháp; dự báo dân số đến năm 2030 là 11.250 người, đến năm 2040 là 12.400 người; là đô thị dịch vụ thương mại, chế biến thủy sản, phát triển sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; định hướng phát triển đô thị theo sông Cái Keo, sông Bảy Háp.

h) Đô thị Tân Đức: Về phía Bắc của huyện trên tuyến đường ĐT.988B; dự báo dân số đến năm 2030 là 13.400 người, đến năm 2040 là 14.800 người; là đô thị dịch vụ, phát triển sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; định hướng phát triển đô thị theo tuyến đường ĐT.988B và kinh Sáu Đông.

i) Đô thị Tạ An Khương: Về phía Bắc của huyện trên tuyến đường ĐT.988B; dự báo dân số đến năm 2040 là 12.100 người; là đô thị phát triển thương mại, dịch vụ, công nghiệp và sản xuất nông nghiệp; định hướng phát triển đô thị theo tuyến đường ĐT.988B, sông Đầm Dơi và sông Lô 14.

7.2 Định hướng phát triển dân cư nông thôn:

Hoàn thiện quy hoạch chung và quy hoạch chi tiết cho các xã và định kỳ rà soát, cập nhật điều chỉnh phù hợp với thực trạng phát triển kinh tế xã hội của xã. Dân cư nông thôn có sự dịch chuyển vào các khu đô thị khi nhu cầu đô thị hóa và nhu cầu phát triển sản xuất phi nông nghiệp tăng cao. Dân số nông thôn dự kiến đến giai đoạn đến năm 2030 là 85.000 người (chiếm 33,6% dân số toàn huyện) và giai đoạn đến năm 2040 là 81.900 người (chiếm 27,8% dân số toàn huyện).

Các trung tâm xã và điểm dân cư nông thôn bố trí các công trình hạ tầng xã hội như: trụ sở Ủy ban nhân dân xã, trung tâm văn hóa, câu lạc bộ, nhà văn hóa, sân

thể thao, trường mầm non, trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trạm y tế, chợ, bưu điện xã... Khuyến khích xã hội hóa các công trình hạ tầng dịch vụ.

7.3. Định hướng phát triển các khu chức năng:

- Khu công nghiệp Tân Thuận: Diện tích khoảng 490 ha thuộc xã Tân Thuận, là khu công nghiệp trọng điểm của tỉnh, phát triển đa ngành nghề và dịch vụ Logistics.

- Nhà máy điện gió Tân Thuận: Đã đưa vào vận hành, các trụ tubin gió trên biển Đông khu vực xã Tân Thuận.

- Nhà máy điện gió Cà Mau 1A, 1B, 1C: Dự án đang triển khai; các trụ tubin gió nằm ngoài khơi biển Đông trên khu vực xã Nguyễn Huân và xã Tân Tiến.

- Cụm công nghiệp thị trấn Đầm Dơi: Diện tích khoảng 75ha tại thị trấn Đầm Dơi.

- Cụm công nghiệp Tân Thuận: Diện tích khoảng 50 ha tại xã Tân Thuận.

7.4. Định hướng phát triển khu vực an ninh, quốc phòng:

- Công trình Quốc phòng gồm các khu vực: Trụ sở Ban Chỉ huy Quân sự huyện Đầm Dơi thuộc thị trấn Đầm Dơi; Đồn Biên phòng Tân Tiến, thuộc xã Tân Tiến; Thao trường huấn luyện huyện Đầm Dơi thuộc xã Trần Phán; Trạm kiểm soát Biên phòng Hố Gùi tại xã Nguyễn Huân thuộc Đồn Biên phòng Tân Tiến và Trụ sở Ban Chỉ huy Quân sự các xã.

- Công trình an ninh gồm các khu vực: Trụ sở Công an huyện Đầm Dơi tại thị trấn Đầm Dơi; trụ sở Công an Thị trấn Đầm Dơi; trụ sở Đội Cảnh sát Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ tại xã Tân Thuận và trụ sở Công an các xã.

7.5. Định hướng phát triển khu vực nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản:

a) Vùng nông - lâm - ngư nghiệp phía Đông: Gồm các xã: Tân Thuận, Tân Tiến, Nguyễn Huân; là vùng sinh thái tự nhiên với diện tích rừng tiếp giáp với biển Đông; là vùng sản xuất nuôi trồng và khai thác thủy hải sản, khai thác lâm nghiệp, sản xuất muối ứng dụng công nghệ tiên tiến của huyện; diện tích nuôi sinh thái tôm - rừng khoảng 5.166 ha.

b) Vùng nuôi trồng thủy sản: Bao gồm các xã còn lại của huyện với đặc điểm tiếp giáp các sông như sông Gành Hào, sông Bảy Háp, sông Đầm Dơi, sông Đầm Chim và hệ thống kênh, rạch chằng chịt tạo điều kiện thuận lợi phát triển nuôi trồng thủy sản với hình thức nuôi tôm truyền thống và nuôi tôm quản canh cải tiến.

c) Vùng chăn nuôi, trồng trọt: Là khu vực chăn nuôi, trồng trọt tập trung của huyện, chuyên đổi khu vực nuôi trồng thủy sản kém hiệu quả sang mô hình khác gồm một số ấp thuộc xã Tân Duyệt và xã Trần Phán.

7.6. Các khu di tích lịch sử - văn hoá, du lịch sinh thái và bảo tồn thiên nhiên:

a) Địa điểm Chiến thắng Đầm Dơi - Cái Nước - Chà Là: Thuộc ấp Chà Là, xã Trần Phán; đây là một trong những di tích tiêu biểu phản ánh lịch sử đấu tranh cách mạng của Nhân dân Cà Mau, cũng là nơi giáo dục truyền thống cho các thế hệ mai sau.

b) Các điểm du lịch vệ tinh trên địa bàn huyện gồm: Cửa biển Hố Gùi, cửa Giá Lồng Đền; các điểm tham quan di tích lịch sử kết hợp tổ chức các lễ hội văn hóa

đặc thù tại địa phương như Lễ hội vía Bà Thủy Long (Thủy Long Cung thần nữ) tại ấp Thanh Tùng, xã Thanh Tùng...; các điểm tham quan làng nghề nuôi trồng thủy hải sản, chế biến nông sản, làng nghề truyền thống; các tuyến du lịch sinh thái cộng đồng, du lịch biển.

c) Sân Chim Đầm Dơi: Diện tích khoảng 130 ha thuộc xã Tân Dân, là khu vực bảo tồn loài và sinh vật cảnh do Kiểm lâm huyện Đầm Dơi quản lý.

7.7. Tổ chức phân bố hệ thống hạ tầng xã hội và dịch vụ:

a) Hệ thống hành chính:

Phát triển hệ thống cơ quan, công sở phù hợp với yêu cầu, xu thế phát triển tổ chức hành chính mới và định hướng phát triển không gian đô thị và nông thôn, đảm bảo bán kính phục vụ nhu cầu người dân.

Các cơ quan hành chính các cấp được tổ chức, phân bố đều trên cơ sở cơ quan hiện hữu và mở rộng đảm bảo bán kính phục vụ người dân theo từng đơn vị quản lý.

b) Hệ thống giáo dục, đào tạo: Điều chỉnh, sắp xếp mạng lưới trường, lớp theo hướng sáp nhập các trường có quy mô nhỏ, mở rộng quy mô các điểm trường chính, thu hẹp dần các điểm trường lẻ phù hợp với điều kiện thực tế của huyện. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật theo hướng đạt chuẩn Quốc gia, hiện đại hóa, xã hội hóa và đồng bộ, đảm bảo yêu cầu nâng cao chất lượng giáo dục.

- Đối với cấp học mầm non: Đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục, khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp đầu tư mở rộng mô hình trường ngoài công lập; duy trì, giữ vững, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ. Phân đấu đến năm 2030 đạt chuẩn phổ cập trẻ mẫu giáo cho trẻ từ 3 tuổi đến 5 tuổi.

- Đối với cấp học phổ thông: Huy động 100% trẻ em trong độ tuổi đến trường; duy trì, nâng mức độ đạt chuẩn phổ cập giáo dục và xóa mù chữ; triển khai thực hiện chương trình giáo dục phổ thông đúng tiến độ; đẩy mạnh hoạt động có hiệu quả của các trung tâm học tập cộng đồng và xây dựng xã hội học tập.

c) Hệ thống văn hóa - thể dục thể thao:

Đầu tư xây dựng, nâng cao hiệu quả hoạt động trung tâm văn hóa, thể thao huyện; cải tạo nâng cấp, xây dựng mới trung tâm văn hóa - thể thao các xã, khuyến khích phát triển các điểm sinh hoạt, câu lạc bộ tại các cụm dân cư tập trung, cụm công nghiệp, khu công nghiệp.

- Xây dựng các khu công viên, cây xanh cảnh quan đô thị theo quy hoạch được duyệt; kêu gọi xã hội hóa nhằm xây dựng các điểm vui chơi, giải trí, sân chơi thể thao ở khu vực trung tâm huyện, trung tâm các xã và cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn, nhất là sân chơi dành cho thiếu nhi; trang bị dụng cụ thể dục thể thao cho các trường học.

d) Hệ thống y tế: Trước mắt sửa chữa cải tạo và nâng cấp Bệnh viện đa khoa, về lâu dài quy hoạch và đầu tư xây dựng mới Bệnh viện đa khoa Đầm Dơi trên đường ĐT.988B thuận lợi về giao thông thủy bộ.

- Nâng cấp và mở rộng Trung tâm Y tế huyện trên khu đất Bệnh viện đa khoa hiện hữu với chức năng là trung tâm chuyên ngành y tế cấp vùng huyện.

- Thực hiện xã hội hóa ngành y tế nhằm phát triển hệ thống các phòng khám đa khoa khu vực; bổ sung hoàn chỉnh trang thiết bị y tế đảm bảo 100% các trạm Y tế đạt tiêu chuẩn quốc gia về cơ sở vật chất.

đ) Hệ thống thương mại - dịch vụ và du lịch:

- Phát triển ngành thương mại, dịch vụ đồng bộ gắn kết với phát triển du lịch trên cơ sở phát triển bền vững. Khai thác hợp lý và hiệu quả các khu du lịch, đồng thời với việc phát triển các công trình hạ tầng kinh tế - xã hội, giữ gìn và phát huy giá trị văn hóa dân tộc, bảo vệ cảnh quan môi trường.

- Đầu tư xây dựng trung tâm thương mại dịch vụ cấp huyện theo quy hoạch chung thị trấn Đầm Dơi đã được phê duyệt. Phát triển hệ thống chợ xã và chợ khu vực trên địa bàn huyện, có kế hoạch chỉnh trang, nâng cấp các chợ xã hiện có và xây dựng mới đối với các khu vực chưa có chợ.

- Phát triển các điểm kinh doanh dịch vụ quy mô vừa và nhỏ, các hộ kinh doanh cá thể góp phần tạo nên mạng lưới thương mại dịch vụ đa dạng phục vụ cho nhu cầu phát triển kinh tế của địa phương, nâng cao vai trò của ngành thương mại - dịch vụ trong cơ cấu kinh tế của huyện.

- Đầu tư nâng cấp, trùng tu các cơ sở du lịch văn hóa; xây dựng mới các tuyến, điểm du lịch. Quy hoạch mới hệ thống nhà hàng, khách sạn theo hướng phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội tạo điều kiện gắn kết huyện Đầm Dơi vào các tuyến du lịch qua các tỉnh ở Đồng bằng sông Cửu Long.

7.8. Xác định các đồ án quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng:

Kế hoạch thực hiện các đồ án quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng như sau:

TT	Loại	Thời gian	Ghi chú
I	Quy hoạch chung đô thị		
1	Thị trấn Đầm Dơi	2026 - 2030	Điều chỉnh QHC đề nâng loại đô thị
2	Nguyễn Huân	2023	Lập quy hoạch chung đô thị
3	Thanh Tùng	2023	Lập quy hoạch chung đô thị
4	Tân Thuận	2023	Lập quy hoạch chung đô thị
5	Quách Phẩm	2025	Lập quy hoạch chung đô thị
6	Tân Tiến	2023 - 2025	Lập quy hoạch chung đô thị
7	Tân Đức	2026 - 2030	Lập quy hoạch chung đô thị
8	Trần Phán	2026 - 2030	Lập quy hoạch chung đô thị
9	Tạ An Khương	2030 - 2040	Lập quy hoạch chung đô thị
II	Quy hoạch chung xã		
1	Tân Duyệt	2023	Điều chỉnh quy hoạch chung xã
2	Tân Trung	2024	Điều chỉnh quy hoạch chung xã
3	Tạ An Khương Nam	2024	Điều chỉnh quy hoạch chung xã

4	Tạ An Khương	2023	Điều chỉnh quy hoạch chung xã
5	Tạ An Khương Đông	2023	Điều chỉnh quy hoạch chung xã
6	Tân Dân	2024	Điều chỉnh quy hoạch chung xã
7	Quách Phẩm Bắc	2023	Điều chỉnh quy hoạch chung xã
8	Ngọc Chánh	2023	Điều chỉnh quy hoạch chung xã
III	Quy hoạch chi tiết		
1	Trung tâm các xã	2023 - 2025	- Lập quy hoạch chi tiết cho các trung tâm xã chưa thực hiện. - Rà soát, điều chỉnh quy hoạch chi tiết các trung tâm xã đã thực hiện.
2	Các điểm dân cư tập trung	2026 - 2030	- Lập quy hoạch chi tiết các điểm dân cư tập trung khi cần thiết.
IV	Quy hoạch khu chức năng		
1	Khu CN Tân Thuận	2024 - 2030	Lập quy hoạch và kêu gọi đầu tư
2	Cụm CN Đầm Dơi	2024 - 2025	Lập quy hoạch và kêu gọi đầu tư

8. Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật vùng

8.1. Hệ thống giao thông:

a) Đường tỉnh: Đến năm 2030 khôi phục, nâng cấp quy mô tối thiểu đạt tiêu chuẩn cấp V đồng bằng (mặt đường tối thiểu 5,5m, lộ giới 32m); sau năm 2030 quy mô cấp IV đồng bằng; các tuyến quan trọng có nhu cầu đi lại lớn, sẽ cấm trước lộ giới theo tiêu chuẩn cấp III là 45m. Đoạn tuyến đi qua khu vực đô thị, đầu tư theo quy hoạch đô thị được phê duyệt. Các tuyến đường tỉnh dự kiến hình thành trên cơ sở nâng cấp từ các tuyến đường hiện hữu đạt tiêu chuẩn đường cấp IV, cấp V đồng bằng. Cụ thể gồm:

- ĐT. 986 (Đầm Dơi - Cái Nước - Cái Đồi Vàm): Trong phạm vi huyện dài 11,3km (điểm đầu từ đường ĐT.988 tại thị trấn Đầm Dơi, điểm cuối tại cầu BOT Chà Là). Giai đoạn 2023 - 2030 nâng cấp, mở rộng đạt cấp IV đồng bằng: mặt đường rộng 7m, nền đường rộng 9m, lộ giới 32m.

- ĐT.988 (Cà Mau - Đầm Dơi): Trong phạm vi huyện dài 14km (điểm đầu từ cầu Hoà Trung, điểm cuối giao đường ĐT.986 tại thị trấn Đầm Dơi). Quy hoạch đến năm 2030 đạt quy mô cấp IV đồng bằng: mặt đường rộng 7m, nền đường rộng 9m, lộ giới 32m.

- ĐT.988B (Tuyến đường trục Đông - Tây): Trong phạm vi huyện dài 38,6km (điểm đầu tại cầu Bảy Háp, điểm cuối tại Ủy ban nhân dân xã Tân Thuận và sông Gành Hào). Đến 2025 quy hoạch đạt cấp V đồng bằng; đến năm 2030 đạt tiêu chuẩn cấp IV đồng bằng: mặt đường rộng 7m, nền đường rộng 9m, lộ giới 32m.

- ĐT.990 (Đầm Dơi - Năm Căn): Trong phạm vi huyện dài 17km (điểm đầu từ ĐT.988 thuộc thị trấn Đầm Dơi, điểm cuối tại cầu Kênh Ba). Quy hoạch đến 2030 đạt tiêu chuẩn cấp IV: mặt đường rộng 7,0m, nền đường rộng 9,0m; giai đoạn 2031 - 2050 quy hoạch cấp III đồng bằng, lộ giới 45m.

- Đường bộ ven biển: Trong phạm vi huyện dài 38km (điểm đầu tại cầu Gành

Hào xã Tân Thuận, điểm cuối tại sông Đầm Dơi xã Nguyễn Huệ). Tuyến đường bộ ven biển được hình thành trên cơ sở tận dụng tối đa các tuyến đường hiện có kết hợp với việc đầu tư xây dựng mới. Quy mô đoạn tuyến qua địa bàn tỉnh Cà Mau được đầu tư đạt cấp IV đồng bằng, thực hiện giai đoạn 2021 - 2030.

b) Đường huyện: Gồm các tuyến: ĐH.50, ĐH.51, ĐH.52, ĐH.53, ĐH.54, ĐH.55, ĐH.56, ĐH.57, ĐH.58, ĐH.59, ĐH.62, ĐH.63, ĐH.TT, ĐH.50B, ĐH.51B, ĐH.52B, ĐH.53B, ĐH.54B, ĐH.55B, ĐH.57B, ĐH.ĐD.DK1, ĐH.ĐD.DK2, ĐH.ĐD.DK3, ĐH.ĐD.DK4, ĐH.ĐD.DK5, ĐH.ĐD.DK6.

Quy hoạch đến năm 2030: Khôi phục, nâng cấp, đưa vào cấp kỹ thuật hệ thống đường huyện trên địa bàn đạt tiêu chuẩn tối thiểu cấp VI đồng bằng.

Quy hoạch đến năm 2040: Hệ thống đường huyện đạt tiêu chuẩn tối thiểu cấp V đồng bằng (mặt đường 5,5m, nền đường rộng 7,5m, lộ giới 30m). Xây dựng mới, nâng cấp, mở rộng cầu trên tuyến có tải trọng từ 0,5HL93 đến 0,65HL93 và bề rộng cầu 5,5 - 7,0m.

c) Giao thông nông thôn: Hệ thống giao thông nông thôn được nâng cấp, mở mới theo tiêu chí nông thôn mới. Quy mô các tuyến đường giao thông nông thôn phải đạt từ cấp C trở lên. Nền đường rộng từ 3÷5m, được bê tông hóa để phục vụ tốt nhu cầu đi lại, sản xuất, vận chuyển hàng hóa.

d) Đường đô thị: Đầu tư xây dựng hệ thống đường đô thị theo quy hoạch đô thị.

đ) Bến bãi:

- Bến xe khách: Quy hoạch đến năm 2030 đầu tư xây dựng 01 bến xe khách loại 4 tại thị trấn Đầm Dơi. Ngoài ra, kêu gọi xã hội hóa đầu tư các bến xe khách loại 6 tại các xã: Nguyễn Huệ, Thanh Tùng, Tân Thuận, Quách Phẩm, Trần Phán và các điểm trung chuyển hành khách tại trung tâm các xã còn lại.

- Cảng, bến hàng hóa thủy nội địa: Quy hoạch mới 01 bến hàng hóa tổng hợp tại thị trấn Đầm Dơi; quy hoạch mới cảng, bến hàng hóa thủy nội địa xã Tân Thuận trên sông Gành Hào; quy hoạch cảng, bến lên xuống hàng hóa tổng hợp tại cụm công nghiệp Tân Thuận trên sông Ấp Hạp. Quy hoạch mới bến lên xuống hàng hóa, vận chuyển hành khách tại các trung tâm xã Nguyễn Huệ, Thanh Tùng, Tân Thuận, Quách Phẩm và các xã khác khi có nhu cầu (có thể kết hợp với bến hàng hóa, bến xe, tàu...).

Duy trì hoạt động của các bến khách ngang sông liên tỉnh, liên huyện và nội huyện cùng với các bến nhỏ lẻ đã cấp phép, cấp phép mở mới theo nhu cầu thực tế.

e) Đường thủy: Hệ thống đường thủy do trung ương quản lý gồm: sông Gành Hào, sông Bảy Háp và kênh Cái Nháp. Hệ thống đường thủy do tỉnh quản lý gồm: sông Đầm Dơi, sông Đầm Chim, sông Cái Ngay. Hệ thống sông kênh vận tải do huyện quản lý gồm các tuyến đường thủy còn lại (theo Quyết định số 183/QĐ-UBND ngày 29/01/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phê duyệt Quy hoạch chi tiết phát triển giao thông đường thủy nội địa tỉnh Cà Mau đến năm 2020 định hướng đến năm 2030).

8.2. Quy hoạch cao độ nền và thoát nước mặt:

a) Cao độ nền xây dựng:

- Xây dựng hệ thống cao độ nền phù hợp với điều kiện tự nhiên, theo quy hoạch tỉnh Cà Mau, các quy hoạch có liên quan đã được phê duyệt, đảm bảo tránh bị ngập lụt do mưa lũ, triều cường và tạo điều kiện thoát nước tốt cho đô thị.

- Quy hoạch cao độ nền cho các đô thị và khu dân cư tập trung trên địa bàn huyện Đầm Dơi là $H_{xd} \geq +2,00m$ (cao độ cụ thể sẽ được chọn phù hợp khi lập quy hoạch xây dựng cho từng khu dân cư, khu đô thị).

- Hệ thống cao độ nền được quản lý trên cùng hệ cao độ Quốc gia.

b) Hệ thống thoát nước mặt:

Các khu vực xây dựng mới với mật độ cao, khu vực đô thị mở rộng, các khu - cụm công nghiệp cần xây dựng hệ thống thoát nước riêng hoàn toàn; nước mưa được thoát trực tiếp ra kênh rạch; các tuyến thoát nước là hệ thống kín bằng cống tròn hoặc cống hộp.

8.3. Hệ thống cấp nước:

- Tổng nhu cầu dùng nước toàn huyện: Giai đoạn 2030 là $Q=49.274m^3/ngày$; giai đoạn 2040 là $Q=57.468m^3/ngày$.

- Nguồn nước: Giai đoạn ngắn hạn đến 2030 tiếp tục sử dụng nguồn nước ngầm bằng các trạm cấp nước cục bộ theo từng đơn vị hành chính.

- Với trung tâm các xã còn lại và dân cư phân tán sử dụng nguồn nước ngầm bằng các trạm cấp nước cục bộ theo quy mô phát triển và quy hoạch cấp nước của đồ án quy hoạch chung xây dựng xã.

8.4. Hệ thống thoát nước thải và vệ sinh môi trường:

a) Thoát nước thải: Tổng lượng nước thải đến năm 2030 là $Q=39.419 m^3/ngày$ đêm và đến năm 2040 là $Q=45.974m^3/ngày$ đêm.

Đối với khu vực đô thị, khu - cụm công nghiệp tập trung, bắt buộc xây dựng hệ thống thoát nước riêng; xây dựng các cơ sở xử lý nước thải trước khi thoát ra môi trường. Đối với các điểm dân cư nông thôn, nước thải sinh hoạt sau khi được xử lý cục bộ bằng hầm tự hoại sẽ được thoát chung với hệ thống thoát nước mưa.

Các khu vực trang trại, chăn nuôi tập trung nguồn thải phải xử lý theo tiêu chuẩn và quy định của tỉnh về bảo vệ an toàn môi trường, triệt để khai thác nguồn thải vào các mục đích tái tạo khác.

b) Quản lý chất thải rắn:

Tổng lượng chất thải rắn sinh hoạt khoảng 250 tấn/ngày. Xây dựng trạm trung chuyển CTR tại thị trấn Đầm Dơi và các đô thị mới để tập kết rác thải vận chuyển về nhà máy xử lý tập trung. Một phần khối lượng chất thải rắn được thu gom vận chuyển về nhà máy xử lý rác thải của thành phố Cà Mau.

Xây dựng bãi tập trung và khu xử lý rác thải lân cận Khu công nghiệp Tân Thuận, Cụm công nghiệp Tân Thuận để đảm bảo xử lý rác thải sinh hoạt và rác thải công nghiệp trên địa bàn huyện.

c) Nghĩa trang nhân dân: Từng bước đóng cửa và di dời các nghĩa trang nhỏ lẻ không đảm bảo về khoảng cách môi trường do gần các khu dân cư. Tiếp tục sử dụng các khu nghĩa trang, lò hỏa táng tại thị trấn và các xã. Đầu tư xây dựng một số nghĩa trang (theo Quy hoạch chung xây dựng xã và Quy hoạch nghĩa trang vùng tỉnh đã được duyệt), mỗi đơn vị hành chính có 1 khu nghĩa trang tập trung với quy mô 3 - 5 ha. Nhu cầu diện tích cho nghĩa trang nhân dân cần 17,8 ha đến năm 2040, với tiêu chuẩn 0,6 ha/10.000 dân.

8.5. Hệ thống cấp điện:

- Nguồn điện: Nguồn điện cấp cho huyện Đầm Dơi từ trạm biến áp Đầm Dơi 110/22kV-25+40MVA hiện hữu.

- Các trạm biến áp 220kV; 110/22kV, tuyến đường dây và trạm biến áp khác được xây dựng theo quy hoạch vùng tỉnh, các đề án đã phê duyệt để phục vụ cho nhu cầu về điện năng cho huyện.

- Khai thác các dự án điện gió như Nhà máy Điện gió Tân Thuận, Nhà máy Điện gió Cà Mau 1A, 1B, 1C bổ sung nguồn cung cấp điện cho tỉnh và huyện.

- Lưới điện: Sử dụng các tuyến đường cao thế, trung thế hiện có, đầu tư xây dựng các trạm hạ thế, lưới hạ thế và lưới chiếu sáng phục vụ sản xuất và sinh hoạt.

8.6. Hệ thống hạ tầng viễn thông thụ động:

Mạng thông tin khu vực nghiên cứu trong giai đoạn tới sẽ được tổ chức thành các hệ thống riêng trên cơ sở hệ thống hiện có đảm nhiệm chức năng thoại, truyền hình, truyền số liệu và truy nhập Internet, mạng truyền thanh, truyền hình; giai đoạn tiếp theo thực hiện theo định hướng chung của tỉnh.

Khuyến khích, hỗ trợ các tổ chức, doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế và doanh nghiệp đầu tư hạ tầng, tham gia khai thác và cung cấp dịch vụ viễn thông huyện trong thời gian sớm nhất.

9. Các dự án ưu tiên đầu tư, dự báo nguồn vốn thực hiện:

9.1 Các dự án ưu tiên:

- Lĩnh vực quy hoạch và dân dụng: Tổ chức rà soát, đề xuất điều chỉnh các đồ án quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn cho phù hợp với định hướng quy hoạch vùng; lập quy hoạch đô thị và đề án công nhận các đô thị loại V dự kiến theo từng giai đoạn phù hợp với thực tế phát triển và định hướng quy hoạch vùng huyện.

- Đầu tư hoàn chỉnh hệ thống hạ tầng kỹ thuật cho các khu - cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và có chính sách kêu gọi các doanh nghiệp vào hoạt động sản xuất.

- Về hạ tầng kỹ thuật: Xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật phục vụ phát triển đô thị, khu du lịch, phát triển nông thôn, ưu tiên đầu tư cho khu vực trung tâm (tiểu vùng 1).

- Về hạ tầng xã hội: Đầu tư hệ thống trường học đạt chuẩn, các thiết chế văn hóa nông thôn và các công trình dịch vụ thương mại trên địa bàn.

9.2. Nguồn vốn đầu tư:

Nguồn từ ngân sách và nguồn vốn từ huy động các thành phần kinh tế.

10. Giải pháp thực hiện

- Giải pháp về huy động nguồn vốn đầu tư: Huy động các nguồn vốn đầu tư từ ngân sách; nguồn vốn FDI, ODA; nguồn vốn tín dụng Nhà nước; nguồn vốn của doanh nghiệp và của nhân dân.

- Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực: Có chính sách thu hút các thành phần kinh tế, các doanh nghiệp... tổ chức đào tạo hoặc liên kết đào tạo để đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực cho phát triển kinh tế - xã hội; thực hiện các chính sách đãi ngộ và thu hút nhân tài.

- Giải pháp về tăng cường hợp tác với các huyện trong tỉnh: Tăng cường hợp tác giữa các địa phương trong khu vực lân cận và các huyện trong và ngoài tỉnh về hợp tác xúc tiến đầu tư, chuyển giao công nghệ, cung cấp lao động,

- Giải pháp về cải cách hành chính: Hoàn thiện các cơ chế hiện hành và tiếp tục nâng cao hiệu quả công tác cải cách hành chính; đồng thời, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức nhằm tạo môi trường thuận lợi thu hút đầu tư, nguồn vốn xã hội hóa đầu tư phát triển đô thị, cung cấp các dịch vụ gắn với hoạt động sản xuất công nông nghiệp theo lợi thế phân vùng.

- Giải pháp bảo vệ tài nguyên môi trường: Nâng cao ý thức bảo vệ tài nguyên môi trường, gắn nhiệm vụ bảo vệ tài nguyên môi trường với phát triển kinh tế - xã hội; chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

11. Đánh giá tác động môi trường

Phát triển kinh tế xã hội, đô thị hóa đi đôi với bảo vệ môi trường nhằm mục tiêu phát triển bền vững; kế hoạch bảo vệ môi trường gồm:

- Phát triển đô thị gắn liền với xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật đồng bộ cho các khu dân cư, khu đô thị tránh tác động xấu đến môi trường.

- Kiểm soát môi trường tại các khu, cụm công nghiệp, khu vực phát triển du lịch, các dự án phát triển dân cư phải có đầy đủ các giải pháp bảo vệ môi trường theo quy định, tăng cường giám sát kiểm tra định kỳ.

- Xây dựng chương trình quan trắc, bố trí các điểm quan trắc môi trường nước tại các vị trí nguồn tiếp nhận nước thải trên kênh, rạch, môi trường đất, môi trường không khí tại các khu vực trọng điểm.

- Xây dựng quy chế quản lý bảo vệ môi trường và có biện pháp kiểm soát chặt chẽ ô nhiễm môi trường đối với vùng bảo tồn, hạn chế phát triển, vùng dân cư đô thị, cụm công nghiệp, du lịch, vành đai xanh, khu cây xanh công cộng, vùng nông thôn...

12. Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch vùng huyện

Được ban hành kèm theo đồ án là các quy định cụ thể về nguyên tắc phát triển, việc quản lý, kiểm soát không gian, kiến trúc, cảnh quan khu vực đô thị và nông thôn, khu chức năng khác... trong phạm vi đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Đầm Dơi đến năm 2030, định hướng đến năm 2040.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân huyện Đầm Dơi có trách nhiệm:

- Tổ chức công bố, công khai đồ án quy hoạch vùng huyện được phê duyệt theo quy định pháp luật.

- Tổ chức rà soát, điều chỉnh, cập nhật bổ sung các nội dung quy hoạch trong các đồ án quy hoạch và quy định quản lý liên quan đã ban hành phù hợp với nội dung của đồ án và quy định quản lý theo đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện được phê duyệt.

- Phối hợp với các sở, ngành liên quan nghiên cứu xây dựng kế hoạch để thực hiện quy hoạch theo tiến độ và trình tự ưu tiên.

2. Sở Xây dựng thực hiện chức năng quản lý nhà nước về quy hoạch xây dựng, phối hợp hướng dẫn Ủy ban nhân dân huyện Đầm Dơi quản lý quy hoạch xây dựng khu vực đô thị, nông thôn, các khu vực trọng điểm theo chức năng, nhiệm vụ và phạm vi quản lý.

3. Các sở, ngành liên quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật, thực hiện nhiệm vụ được phân công, có trách nhiệm hướng dẫn, tạo điều kiện để Ủy ban nhân dân huyện Đầm Dơi triển khai và cụ thể hóa quy hoạch xây dựng vùng huyện được phê duyệt.

Điều 3. Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Xây dựng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đầm Dơi và Thủ trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh (iO);
- Sở XD (5b);
- UBND huyện Đầm Dơi (2b);
- UBND các huyện, TP Cà Mau (iO);
- LĐVP UBND tỉnh;
- Khối NC-TH;
- Phòng QH-XD (Bn 3/21);
- Lưu: VT, TH21/8.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lâm Văn Bi